

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội
huyện Sơn Động giai đoạn 2008-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 92/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số: 28/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Sơn Động giai đoạn 2008-2020;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội các huyện đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt: “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội huyện Sơn Động giai đoạn 2008-2020” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

Phát triển nằm trong định hướng chung của toàn tỉnh và gắn với phát triển các địa bàn lân cận; Phát huy nội lực và thu hút mạnh mẽ ngoại lực, nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của huyện về vị trí địa lý, tài nguyên và nguồn nhân lực, để đạt tốc độ tăng trưởng GTSX cao và bền vững, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH).

Tập trung đầu tư cho lâm nghiệp và nông nghiệp để ổn định nông thôn, đẩy mạnh phát triển trồng rừng sản xuất và sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo hướng CNH, HĐH; chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn; gắn sản xuất với chế biến lâm sản; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất/đơn vị canh tác. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ.

Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cao phát triển công nghiệp - TTCN và ngành nghề nông thôn, lựa chọn tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực mang tính đột phá. Đẩy mạnh phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ vận tải, kho bãi, bưu chính viễn thông, ngân hàng, tài chính tín dụng...

Phát triển kinh tế phải đi đôi giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường và giảm nghèo. Gắn phát triển kinh tế với ổn định và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH; sớm đưa huyện Sơn Động ra khỏi các huyện nghèo và là huyện có nền kinh tế – xã hội phát triển ngang mức bình quân của tỉnh. Có kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, phát triển văn hoá xã hội tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) các ngành trong giai đoạn 2008 – 2010, 2011- 2015 và 2016- 2020 theo biểu dưới đây:

Số TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các giai đoạn phát triển		
			2008-2010	2011-2015	2016-2020
1	Tốc độ tăng trưởng GTSX	%/năm	11,00	14,00	16,00
	+ Nông lâm nghiệp, thủy sản	%/năm	8,36	8,85	8,92
	+ Công nghiệp - xây dựng	%/năm	19,91	19,77	17,76
	+ Thương mại - dịch vụ	%/năm	9,65	23,63	27,61
2	GTSX BQ/người/năm	Triệu đ	7,23	19,48	38,36
3	Cơ cấu GTSX				
	+ Nông lâm nghiệp, thủy sản	%	60,00	53,00	40,00
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	23,00	26,00	32,00
	+ Thương mại - dịch vụ	%	17,00	21,00	28,00

- Về văn hoá, xã hội

Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng trên các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, phấn đấu đạt mức bình quân của tỉnh trên một số lĩnh vực chủ yếu về văn hoá - xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo.

+ Đến năm 2015: 65% trường học đạt chuẩn quốc gia và 80-85% vào năm 2020.

+ Đến 2010: có 75% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; phấn đấu đạt mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm đến năm 2015 là 2,0‰ và đạt mức sinh thay thế sau năm 2015.

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo: giai đoạn 2008-2010 giảm bình quân 5-6%/năm trở lên, giai đoạn 2011-2015 giảm bình quân 4-5%; giai đoạn 2016 -2020 giảm bình quân mỗi năm 2-2,5% (theo tiêu chuẩn hiện nay). Đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo của huyện bằng với mức bình quân chung của tỉnh.

+ Phần đầu đến năm 2020 có 80% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; 70% làng, khu phố đạt chuẩn làng, khu phố văn hoá được cấp huyện công nhận; trên 90% cơ quan, đơn vị đạt cơ quan văn hoá (phần đầu theo tiêu chuẩn của tỉnh).

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 17,7% vào năm 2010 và khoảng 47% vào năm 2020.

- Về môi trường

+ Tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch, đẹp. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

+ Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

+ Các điểm công nghiệp tập trung được xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường Việt Nam.

+ Đến năm 2010, tỷ lệ dân số ở thành thị dùng nước hợp vệ sinh đạt 95% và ở nông thôn đạt 75%, đến năm 2020 là 100%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh đạt 70% năm 2010 và 100% vào năm 2020.

- Về quốc phòng - an ninh

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng nền quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân, giữa quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động đấu tranh phòng, chống âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, đảm bảo an ninh chính trị nội bộ, giữ vững ổn xã hội. Tổ chức tốt việc đăng ký, quản lý và huấn luyện lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ.

Tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và chương trình hành động phòng chống ma tuý; thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thuỷ sản

Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân đạt 8,36%/năm cho giai đoạn 2008 – 2010; 8,85%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 8,9% cho giai đoạn 2016 - 2020. Tốc độ tăng chung cho cả giai đoạn 2007 - 2020 đạt 8,8%. Cơ cấu nông, lâm nghiệp, thuỷ sản trong tổng GTSX đạt khoảng 60% vào năm 2010; giảm xuống còn 53% vào năm 2015 và còn 40% vào năm 2020.

Chuyển đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp bằng cách tăng tỷ trọng chăn nuôi lên khoảng 46%; tỷ trọng ngành trồng trọt còn chiếm khoảng 48% và tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp tăng lên 6% trong cả giai đoạn quy hoạch.

2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng

a) Phương hướng chung

- Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân 19%/năm trong giai đoạn 2007 - 2020; trong đó đạt 20%/năm giai đoạn 2008 - 2010, khoảng 19% giai đoạn 2011 - 2015 và 17% cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Tỷ trọng GTSX ngành công nghiệp - xây dựng trong tổng GTSX toàn nền kinh tế chiếm khoảng 23% vào năm 2010 và 32% vào năm 2020.

- Đưa tỷ lệ lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng từ 4,8% hiện nay lên khoảng 33,8% vào năm 2020.

- Môi trường đô thị và môi trường công nghiệp - xây dựng được bảo đảm, góp phần quan trọng vào phát triển bền vững trong khu vực.

- Phát triển một số sản phẩm chủ lực như: Chế biến lâm sản, nông sản thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí, dịch vụ sửa chữa; sản xuất đồ mộc dân dụng; công nghiệp dệt, may, da giày ...

b) Xây dựng các khu, cụm, điểm công nghiệp

- Khu công nghiệp: khu công nghiệp nhiệt điện Sơn Động (thuộc 2 xã Thanh Sơn, Thanh Luận), dự kiến sẽ quy hoạch theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn I (đến năm 2008): Xây dựng khu công nghiệp nhiệt điện Sơn Động với diện tích là 100 ha, công suất hàng năm khoảng 200 MW.

+ Giai đoạn II (đến năm 2012): Mở rộng khu công nghiệp nhiệt điện Sơn Động với diện tích tăng thêm là từ 100-150 ha, công suất hàng năm khoảng 100 MW.

- Cụm công nghiệp:

+ Cụm công nghiệp thị trấn An Châu, với diện tích khoảng 10 ha, chủ yếu là chế biến lâm sản.

+ Cụm công nghiệp thị trấn Thanh Sơn, với diện tích khoảng 100 ha, chủ yếu là chế biến lâm sản.

+ Cụm công nghiệp xã Cẩm Đàn, với diện tích khoảng 36 ha, chủ yếu là chế biến giấy, gạch và gỗ ép.

- Các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các xã:

+ Điểm công nghiệp khai thác than Đồng Rì.

+ Điểm công nghiệp khai thác mỏ đồng xã Cẩm Đàn.

+ Xây dựng thêm một số điểm công nghiệp tại các xã Cẩm Đàn, Dương Hưu, ... chủ yếu là xây dựng các nhà máy sản xuất đá xây dựng, gạch chịu lửa, gạch không nung, gạch samot; nhà máy sản xuất ván ép, ván ghép sàn; nhà máy giấy...

3. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng các ngành dịch vụ giai đoạn 2008 - 2010 khoảng 9,6%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 là 23,6%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 27,6%. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ như: Thương mại, vận tải, kho bãi, bưu chính viễn thông, ngân hàng, tài chính tín dụng và du lịch. Trong đó cần hướng mạnh phát triển dịch vụ ở các thị trấn, thị tứ; hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại...

4. Lĩnh vực văn hoá xã hội

a) Giáo dục- đào tạo và dạy nghề

Định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh ngay từ bậc Tiểu học và Trung học cơ sở nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục tại các bậc học. Khuyến khích các hình thức xã hội hoá công tác đào tạo nghề, phát triển các trung tâm đào tạo nghề để nâng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo phục vụ phát triển kinh tế

địa phương. Cùng cố vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học theo đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS. Đối với giáo dục thường xuyên, phần đầu tỷ lệ xoá mù chữ lứa tuổi 15-35 tuổi đạt 100%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt 18% và đến năm 2020 đạt 47%.

b) Y tế - dân số, gia đình và trẻ em

Củng cố, nâng cao chất lượng trạm y tế xã, các trung tâm khám chữa bệnh ở các xã; phần đầu đến năm 2015 có 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo về số lượng, nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần phục vụ người bệnh tận tình, chu đáo.

Xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực Thanh Sơn, quy mô 50 giường bệnh; xây dựng trạm y tế thị trấn Thanh Sơn; xây dựng đề án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Sơn Động với quy mô 150 giường bệnh.

c) Văn hoá thông tin thể dục thể thao

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”. Phần đầu 70% các thôn có thiết chế văn hoá (2010) và 100% các thôn có thiết chế văn hoá (2020), 100% di tích lịch sử đã xếp hạng được bảo tồn. Khôi phục lại các truyền thống văn hoá của huyện như hát Sinh, hát Chèo,... Đẩy mạnh hoạt động các phong trào thể dục thể thao, tổ chức các hội thi, các giải đấu thể thao nhằm thu hút sự tham gia của quần chúng nhân.

d) Thực hiện các chính sách xã hội và giải quyết việc làm

Tập trung cao thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/1008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; phần đầu đến năm 2010 đạt mục tiêu giảm nghèo dưới 40%; cơ bản không còn nhà hộ dân ở nhà tạm, cơ bản hoàn thành việc giao đất giao rừng...; Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức ngang bằng mức trung bình của tỉnh và năm 2015, của khu vực vào năm 2020. Nâng tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn lên 25% vào năm 2010; trên 40% năm 2015 và trên 50% năm 2020.

Hàng năm tổ chức học nghề cho lao động, kết hợp học nghề với chương trình học phổ thông để nâng cao nhận thức cho lao động vùng sâu, vùng xa. Mở các trung tâm học nghề tại địa phương, đến năm 2020 phần đầu khoảng 47,2% số lao động của huyện được qua các lớp học nghề.

5. Về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và trong công nghiệp – TTCN nhằm nâng cao năng xuất lao động, năng xuất cây trồng vật nuôi và tăng sức cạnh tranh của hàng hoá.

- Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tổ chức tốt công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu sự cố môi trường và thiên tai.

- Tổ chức thu gom và xử lý rác thải đạt 65% ở khu vực nông thôn và 90% ở khu vực thành thị vào năm 2020.

- Đến năm 2010, tỷ lệ dân số ở thành thị dùng nước hợp vệ sinh đạt 95% và ở nông thôn đạt 75%, đến năm 2020 là 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh đạt 70% năm 2010 và 100% vào năm 2020.

6. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Định hướng phát triển giao thông đến năm 2020

- Quốc lộ: Đề nghị nâng cấp Quốc lộ 31 đoạn từ xã Cẩm Đàn đến xã Hữu Sản, dài 35 km; quốc lộ 279 từ An Châu - Đi Hạ Long (Quảng Ninh).

- Đường tỉnh: Nâng cấp đường 293, đoạn từ xã Tuấn Mậu đi Hạ My; đường 291 thành 2 đoạn đường: đường vào trung tâm xã Dương Hưu và đường Yên Định đi Thanh Sơn.

Xây dựng mới cầu Lãn Chè với tải trọng thiết kế H30 - XB80, dài 1,4 km, dự kiến vốn đầu tư là 14,7 tỷ đồng.

Dự kiến đến năm 2020, toàn tuyến đường 291 (27 km) sẽ hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn đường cấp IV.

- Đường huyện: Đường An Lập - Vân Sơn: dài 9 km; Đường Tuấn Đạo - Long Sơn: dài 18 km; đường Cầu Cuối - Nà Phai: dài 5 km; xây dựng các tuyến đường như tuyến Cầu Kiêu - An Châu (279); tuyến đường đôi từ sân vận động của huyện đến Bệnh viện; tuyến từ khu 3 đi trạm trung gian; tuyến Vân Sơn - Phúc Thắng - Đồng Cao; tuyến Giáo Liêm - Lừa - An Châu...

- Đường trục xã, liên xã, liên thôn: Đường Quốc lộ 31 đi Khe Rỗ (xã An Lạc): dài 3 km; xây dựng cầu Khe Rỗ (xã An Lạc): dài 120 m; đường nội thị (thị trấn An Châu): dài 5 km; đường nội thị (xã Thanh Sơn): dài 2,5 km; dự án duy tu bảo dưỡng các tuyến đường của các xã, dự kiến chiều dài khoảng 207 km; cứng hóa đường giao thông nông thôn tại các xã: dự kiến dài 400 km; xây dựng 74 điểm cống tràn tại các xã; chiến dịch tu sửa hàng năm các tuyến đường tại các xã: dài khoảng 287,5 km...

- Phát triển 6 trạm dừng xe đón, trả khách tại các xã: xã Hữu Sản, xã Vân Sơn, xã Yên Định, xã Cẩm Đàn, Mực (xã Dương Hưu), xã Long Sơn. Diện tích mỗi trạm khoảng 60 m² nằm trên các tuyến quốc lộ 31 và 279.

b. Hệ thống thủy lợi

Kiên cố hoá hệ thống kênh mương, cải tạo, nâng cấp xây mới những hệ thống kênh mương, trạm bơm sẵn có. Phân đầu đến năm 2020 có 80% hệ thống kênh tưới được kiên cố hoá; chống xói mòn cho hệ thống tưới tiêu; đảm bảo hệ thống hồ đập luôn đủ nước tưới...

Nâng cấp, xây mới các trạm bơm: Quang Hái (Lệ Viễn); Đồng Lạc (Thanh Sơn); Xóm Nòn (Thanh Sơn); Thanh Bình (Thanh Luận); xóm Bài (Thanh Sơn); Đồng Chòi (Long Sơn), Thoi (Dương Hưu); Cống Xoong (An Lập). Nâng cấp các trạm bơm như trạm bơm Thia (Lệ Viễn); Thanh Trà (Lệ Viễn) phục vụ nhu cầu tưới tiêu trong giai đoạn quy hoạch.

c. Hệ thống điện

Xây dựng mới Nhà máy điện ở xã Thanh Luận, công suất 220 MW (do tổng công ty than đầu tư), cấu hình 2 tổ máy 110 MW; xây dựng trạm 110 kV tại huyện có quy mô 2x16 MVA; xây dựng mạng lưới trung thế 6,9 MW được cấp điện 35 kV

từ trạm 110 kV Lục Ngạn; dự án chống quá tải tại thị trấn An Châu, quy mô 1 máy 100 KVA 35/0,4 kV với 400 m đường dây 35 kV; Dự án lưới điện của toàn tỉnh (2010) có 2 trạm 100 KVA tại thị trấn An Châu và xã Yên Định; dự án cải tạo lưới điện hạ thế tại trạm biến áp uỷ ban xã Yên Định; cải tạo và xây mới các trạm biến áp, lưới điện nông thôn...

d. Hệ thống cấp, thoát nước

- Về cấp nước: Đến năm 2020 xây dựng trạm cấp nước xã An Lập, cung cấp cho thị trấn An Châu, xã An Lập và một số khu dân cư tập trung. Phân đầu đến năm 2020 có 100% dân số đô thị được dùng nước sạch; 75% dân số nông thôn có nước sạch và toàn bộ dân số trên địa bàn huyện được sử dụng hợp vệ sinh.

- Về thoát nước: Thiết kế hệ thống thoát nước kín dọc theo trục đường giao thông trong các thôn để thoát nước thải sinh hoạt, tránh gây ô nhiễm môi trường. Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa theo các trục đường. Xây dựng hệ thống cấp và thoát nước cho các cụm, điểm công nghiệp.

e. Định hướng phát triển Thông tin và truyền thông

- Thông tin: Tăng cường xây dựng, củng cố các thiết chế văn hoá thông tin ở cơ sở, đảm bảo cho thông tin và truyền thông đến tận các thôn, xã. Xây dựng và nâng cấp đài phát thanh cấp huyện có công suất phủ sóng tới các xã trong huyện; quy hoạch các trạm truyền thanh xã, thị trấn thành truyền thanh không dây. Phát triển các loại hình truy nhập, tích hợp nhiều loại dịch vụ khác nhau như điện thoại, internet, truyền hình...

- Bưu chính viễn thông: Đẩy mạnh tốc độ phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông, đảm bảo liên lạc thông suốt; phân đầu đến 2010 có 70 - 80% các điểm bưu điện văn hoá xã có dịch vụ Internet. Mở rộng các đầu thu phát sóng của các mạng dịch vụ điện thoại. Đến năm 2010 bình quân 25 máy điện thoại/100 dân và năm 2020 đạt bình quân 50 máy/100 dân (kể cả điện thoại cố định và điện thoại di động). Quy hoạch thị trấn An Châu có 3 điểm đại lý bưu điện, xã Thanh Sơn có 2 điểm đại lý. Quy hoạch tại cụm công nghiệp An Châu và Thanh Sơn, nhà máy nhiệt điện ở Thanh Luận mỗi nơi 2 điểm đại lý...

7. Định hướng phát triển không gian lãnh thổ

a) Phân các tiểu vùng kinh tế

- *Tiểu vùng kinh tế động lực:*

Vùng kinh tế động lực nằm trên quốc lộ 31 bao gồm Thị trấn An Châu và các xã An Bá, An Châu, An Lập và Yên Định. Vùng kinh tế động lực sẽ tạo ra 50% giá trị sản xuất công nghiệp, 80% mức giao lưu hàng hóa và trên 80% số thu Ngân sách trên địa bàn.

- *Tiểu vùng kinh tế lâm, nông nghiệp gắn với quốc phòng:*

Bao gồm các xã nằm ở phía Bắc của huyện: Thạch Sơn, Phúc Thắng, Quế Sơn, Chiên Sơn, Giáo Liêm và Cẩm Đàn.

Cơ cấu kinh tế của vùng này là phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Đây là vùng trọng điểm về phát triển lâm nghiệp và cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc và gia cầm thả vườn.

- *Tiểu vùng kinh tế phía đông bắc:*

Gồm các xã: Vĩnh Khương, Lê Viễn, Vân Sơn, Hữu Sản và An Lạc. Tiểu vùng này nằm sát với vùng kinh tế động lực và cũng nằm trên trục quốc lộ 31. Đây là vùng sản xuất lương thực, rau màu trọng điểm của huyện và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- *Tiểu vùng kinh tế phía nam:*

Gồm các xã: Tuấn Đạo, Thanh Sơn, Thanh Luận, Bông Am, Long Sơn và Dương Hữu. Tiểu vùng này lấy khu vực xã Thanh Sơn (quy hoạch thành thị trấn Thanh Sơn) làm trung tâm; tạo ra khoảng 30% giá trị sản xuất công nghiệp của huyện và là vùng phát triển trọng điểm về thủy sản.

b) Đô thị và dân cư

- Mục tiêu phát triển đô thị Sơn Động là từng bước xây dựng thị trấn An Châu, thị trấn Thanh Sơn và các điểm dân cư trong huyện có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, kỹ thuật đồng bộ, có môi trường đô thị trong sạch và được phân bố hợp lý trên địa bàn huyện, bảo đảm thực hiện tốt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020.

- Tiến hành quy hoạch và xây dựng các điểm dân cư đang có triển vọng phát triển thành thị tứ tại trung tâm các xã: Cẩm Đàn, Vĩnh Khương, Dương Hữu,...

Phát triển thị trấn, thị tứ phải chú ý phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng, vườn hoa công viên, bãi chứa, xử lý rác thải và các công trình văn hoá thể thao vui chơi giải trí khác...

8. Định hướng sử dụng đất

- Đất nông nghiệp tăng từ 73,28% năm 2007 lên 74,98% năm 2020.
- Đất phi nông nghiệp tăng từ 12,87% năm 2007 lên 21,83% năm 2020.
- Đất chưa sử dụng giảm từ 13,85% năm 2007 xuống còn 3,19% năm 2020.

9. Về quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế – xã hội; bảo đảm mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế – xã hội.

10. Vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2008-2020 là: 4.659 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2008 - 2010: 637 tỷ đồng, bình quân 212,33 tỷ đồng/năm.
- Giai đoạn 2011 - 2015: 1.787 tỷ đồng, bình quân 357,4 tỷ đồng/năm.
- Giai đoạn 2016 - 2020: 2.235 tỷ đồng, bình quân 447 tỷ đồng/năm.

11. Các dự án đầu tư ưu tiên giai đoạn 2007 – 2020 (theo biểu đính kèm)

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động vốn, nâng cao hiệu quả đầu tư.
2. Xoá đói giảm nghèo.
3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
4. Ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng.

5. Chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp.

6. Tích cực bảo vệ môi trường.

7. Phát triển lĩnh vực văn hoá, xã hội.

8. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch.

Điều 2. Quyết định phê duyệt: “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Động giai đoạn 2008 - 2020” là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Sơn Động.

Điều 3. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế – xã hội của huyện được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

Các Sở, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm quan tâm, tạo điều kiện giúp huyện Sơn Động đầu tư hạ tầng kinh tế – xã hội qua các chương trình, dự án đầu tư và thu hút đầu tư địa bàn huyện Sơn Động.

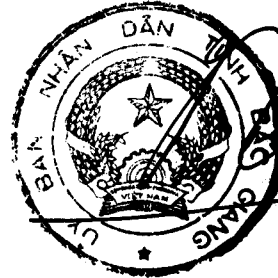
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND huyện Sơn Động và các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TKCT, XD, NN, KT, TN-MT, TTCB;
- Lưu VT, TH< 7b> .

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Linh

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2008- 2020



kèm Quyết định số: **956** /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2009
của Chủ tịch UBND tỉnh)

	Tên công trình cần đầu tư	Địa điểm	Ước vốn đầu tư (Tỷ đ)	Kế hoạch thực hiện
1	Xây mới công trình Cục thuế	TT An Châu	2,00	2010 - 2012
2	Xây mới Ngân hàng chính sách	TT An Châu	2,00	2007 - 2010
3	Xây mới nhà Bảo Việt	TT An Châu	1,80	2008 - 2012
4	Xây mới nhà khách của huyện	TT An Châu	1,20	2010 - 2015
5	Nâng cấp, xây mới, mở rộng trụ sở UBND xã	Các xã trong huyện	64,00	2010 - 2015
6	Nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Sơn Động	TT An Châu	20,00	2011 - 2015
7	Xây dựng Trung tâm y tế dự phòng	TT An Châu	20,00	2010 - 2020
8	Nâng cấp, mở rộng trường dân tộc nội trú	TT An Châu	36,00	2010 - 2020
9	Quy hoạch XD bệnh viện đa khoa	Xã Thanh Sơn	22,00	2010 - 2020
10	Mở rộng bệnh viện đa khoa	TT An Châu	25,00	2008 - 2012
11	Xây mới, mở rộng nhà văn hoá	TT An Châu và các xã	18,00	2007 - 2012
12	Nâng cấp, mở rộng, xây mới sân vận động trung tâm và sân thể thao các thôn	Thị trấn An Châu và các xã trong huyện	15,00	2008 - 2012
13	Xây mới hồ chứa nước bản Cẩu	Xã Vân Sơn	3,50	2008 - 2010
14	Xây mới hồ Chườn	Xã Yên Định	3,50	2008 - 2010
15	Xây mới 2 siêu thị	TT Thanh Sơn và TT An Châu	3,00	2010 - 2012
16	Xây mới 2 trung tâm thương mại	TT Thanh Sơn và TT An Châu	25,00	2011 - 2012
17	Xây mới trạm cấp nước	Xã An Lập	0,70	2010 - 2020
18	Xây mới đập nước	Xã Vĩnh Khương	0,50	2010 - 2020
19	Quy hoạch cụm công nghiệp	TT An Châu	85,00	2010 - 2015
20	Quy hoạch cụm công nghiệp	Xã Thanh Sơn	90,00	2010 - 2015



21	Quy hoạch cụm công nghiệp	Xã Thạch Sơn	42,00	2010 - 2015
22	Quy hoạch điểm công nghiệp khai thác mỏ đồng	Xã Cẩm Đàn	26,00	2007 - 2010
23	Quy hoạch điểm công nghiệp khai thác than Đồng Rì	Xã Thanh Luận	64,00	2007 - 2015
24	Quy hoạch cây xăng các xã	Các xã trong huyện	20,00	2010 - 2020
25	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã, thôn	Các xã trong huyện	940,00	2007 - 2020
26	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã, thôn trong khu dân cư	Các xã trong huyện	75,00	2007 - 2020
27	Xây mới trạm biến áp	TT An Châu	0,30	2010 - 2015
28	Xây mới trạm biến áp	Các xã trong huyện	98,0	2010 - 2015
29	Xây dựng công viên	TT An Châu	1,20	2010 - 2015
30	Mở rộng, nâng cấp trạm y tế xã	Các xã trong huyện	26,00	2009 - 2020
31	Mở rộng, xây mới trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS	TT An Châu, một số xã trong huyện	296,00	2008 - 2020
32	Mở mới bãi rác thải	Các xã trong huyện	13,00	2010 - 2020
33	Xây mới, mở rộng nghĩa địa cho các xã, thôn	Các xã trong huyện	10,00	2010 - 2020
34	Xây mới, nâng cấp trạm cấp nước sinh hoạt	Các xã trong huyện	97,00	2010 - 2015
35	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét, xây mới các kênh mương đập	Các xã trong huyện	379,00	2008 - 2020
36	Quy hoạch các điểm đại lý bưu điện	Các xã trong huyện	10,40	2010 - 2015
Tổng vốn đầu tư			2.536,1	